TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18 /2019/DSST-*HNGĐ*
Ngày: 26 / 8 */2019*
V/v " Ly hôn với người mất tích "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Tạ Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trịnh Đình Hồng; Ông Hoàng Văn Lược
- *Thư ký phiên toà*: Bà Lại Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Bỉm sơn: Bà Lê Huyền Diệu- chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm *2019*, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: *63/ /2019* /TLST-HNGĐ ngày *03* tháng *6* năm *2019* về tranh chấp " *Ly hôn với người mất tích* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 17 /QĐXX-HNGĐ ngày 09 / 8 /2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Đình T sinh năm 1982
Trú tại: tổ X, khu phố M , phường L , thị xã B , tỉnh T (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H sinh năm 1987
Nơi cư trú cuối cùng: tổ X, khu phố M , phường L , thị xã B , tỉnh T (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 /5 /2019, bản tự khai ngày 07 tháng 06 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Đình Tùng trình bày: Anh và chị H kết hôn với nhau vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND phường L , Tx B , tỉnh T vào năm 2007. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H bỏ nhà ra đi anh không biết chị H đi đâu. Anh đã đi tìm chị khắp nơi mà không có kết quả. Năm 2018, anh đã đăng tin tìm kiếm chị H trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tòa án đã ra quyết định tuyên bố chị H mất tích theo quyết định số 07/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 03 năm 2019 nhưng cũng không thấy chị H trở về. Vì vậy, anh

đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H để anh ổn định cuộc sống và lo cho các con.

Về phần con cái: Anh và chị H có 02 con chung cháu đầu tên là: Trần Đình L (nam) sinh ngày 24/7/2007; cháu thứ hai là Trần Đình P (nam) sinh ngày 25/7/2010. Vì chị H bỏ đi các cháu còn rất nhỏ nên các cháu từ trước đến nay ở với anh. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai cháu đến tuổi thành niên. Vì chị H đã mất tích nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đóng góp nuôi con chung.

Về phần tài sản: anh và chị H không có tài sản chung.

Vì chị Lê Thị H đã bị Tòa án nhân dân thị xã B tuyên bố mất tích nên không có bản tự khai của chị H và thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 2 điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết đại diện viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho anh Trần Đình T ly hôn với chị Lê Thị H

Về phần con cái: Đề nghị giáo hai cháu Trần Đình L (nam) sinh ngày 24/7/2007 và cháu Trần Đình P (nam) sinh ngày 25/7/2010 cho anh Trần Đình T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Việc anh Trần Đình T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Lê Thị H được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình T và chị Lê Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện , đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Tx B, tỉnh T. Như vậy, đây là hôn nhân được pháp luật công nhận.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H bỏ đi và hiện không ai biết chị H đi đâu làm gì cả . Anh đã tìm kiếm chị H rất nhiều nơi, đã đi đăng tin tìm kiếm và đã làm đơn đến Tòa án nhân dân thị xã B đề nghị tuyên bố mất tích đối với chị H . Theo quyết định số 07/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 03 năm 2019 Tòa án đã tuyên bố mất tích đối với chị Lê Thị H . Xét thấy, thời gian đã lâu chị H đi không có tin tức gì nên tình

cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần phải chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Đình H xử cho anh Trần Đình H được ly hôn chị Lê Thị H để giải phóng cho nhau.

[3]Về phần con cái: Vợ chồng có 02 con chung cháu đầu là: Trần Đình L (nam) sinh ngày 24/7/2007; cháu thứ hai là Trần Đình P (nam) sinh ngày 25/7/2010. Trong điều kiện hiện nay chị H đã mất tích, hiện các cháu ở với bố từ bé nên giao cả hai cháu cho anh Trần Đình T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên phù hợp với thực tế cuộc sống và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[4]. Về phần tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không giải quyết phần tài sản

[5].Về án phí: áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mục 1.1 phần danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội buộc anh Trần Đình T phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) được trừ vào số tiền anh Tùng đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0000901 ngày 30 tháng 5 năm 2019 của chi cục thi hành án Dân sự Bỉm sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*__Áp dụng__: khoản 1 điều 28 và khoản 3 điều 144; khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 51,56 , 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mục 1.1 phần danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Đình T . Xử cho anh Trần Đình T được ly hôn chị Lê Thị H.

Về phần con cái : Giao hai con chung của chị Lê Thị H và anh Trần Đình T là cháu: Trần Đình L (nam) sinh ngày 24/7/2007; cháu thứ hai là Trần Đình P (nam) sinh ngày 25/7/2010 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Chị Lê Thị H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, anh Trần Đình T không được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

Về án phí: án phí Dân sự sơ thẩm buộc anh Trần Đình T phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) được trừ vào số tiền anh T đã

nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0000901 ngày 30 tháng 5 năm 2019. Như vậy , anh Trần Đình T đã thi hành xong khoản án phí dân sự sơ thẩm. Án xử công khai sơ thẩm, anh Trần Đình T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/08/2019), chị Lê Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Bỉm sơn
-UBND P Lam sơn (nơi ĐKKH)
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Bỉm sơn
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG

các Điều 81,82,83,84 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 8, Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Khoản 1 mục I danh mục về mức án phí ban hành kèm theo pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lý xử. Chị Nguyễn Thị Lý được ly hôn với anh Vũ Văn Thức.

*Về phần con cái: Giao hai cháu Vũ Đức Trung (nam), sinh ngày 09/12/2013 và cháu Vũ Thị Ngọc Ánh (nữ), sinh ngày 26/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Lý trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Anh Vũ Văn Thức được quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung chị Nguyễn Thị Lý không được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con cái khi cần thiết, các đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: án phí DSST chị Nguyễn Thị Lý phải nộp 200.000đ được trừ vào số tiền chị Lý đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002245 ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chi cục thi hành án Dân sự huyện Hà Trung. Như vậy, chị Lý đã thi hành xong khoản án phí DSST

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/02/2017).

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND huyện Hà Trung;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Hương